

Học thuyết kinh tế đối ngẫu trong phát triển nông thôn: bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc cho Việt Nam

ĐỖ KIM CHUNG

Trung Quốc và Việt Nam có nhiều nét tương đồng về văn hóa, kinh tế, chính trị và xã hội. Do đó, kinh nghiệm phát triển nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc có thể giúp cho chúng ta tránh được những sai lầm, khuyết điểm và rút ngắn được con đường đi. Bài viết này tập trung thảo luận sự vận dụng học thuyết kinh tế đối ngẫu của W. Arthur Lewis (1954) vào sự phát triển nông thôn Trung Quốc, những tác động của việc vận dụng học thuyết đó và rút ra một số bài học kinh nghiệm cho phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam

1. Kinh tế đối ngẫu của W. Arthur Lewis

Năm 1954, nhà kinh tế học nổi tiếng tên là W. Arthur Lewis đã đưa ra học thuyết kinh tế đối ngẫu (Economic dualism) (W. Arthur Lewis, 1954). Một số học giả còn gọi học thuyết này là kinh tế nhị nguyên và đã vận dụng học thuyết này khá thành công ở nhiều nước. Có thể tóm tắt học thuyết này ở các điểm chính sau: nền kinh tế luôn tồn tại khu vực thành thị và nông thôn; khu vực nông thôn luôn dư thừa lao động, cung cấp nguyên liệu và nông sản cho thành thị, tiêu thụ hàng của thành thị; giá tiền công ở khu vực nông thôn luôn thấp hơn ở thành thị. Do đó, luôn có sự dịch chuyển lao động từ nông thôn vào thành thị để kiếm việc làm. Khu vực nông thôn là cần thiết và tất yếu để phát triển khu vực thành thị. Bất cứ sự bất ổn nào ở nông thôn đều ảnh hưởng lớn đến sự phát triển ở thành thị. Sự dịch chuyển lao động giữa hai khu vực cần thiết và tất yếu cho sự phát triển cả thành thị và nông thôn. Sự dịch chuyển này được điều chỉnh

bởi quy luật thị trường sức lao động. Tuy nhiên, sự di cư của lao động nông thôn vào thành thị có thể được kiểm soát và điều chỉnh bởi các hướng sau đây: 1) Xây dựng các khu công nghiệp – đô thị (thị trấn và thị tứ) ở các vùng nông thôn để thu hút lao động nông thôn. Điều này cần được thực hiện gắn với đào tạo và hỗ trợ cho chuyển đổi nghề nghiệp. 2) Tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng cơ hội việc làm của các hoạt động phi nông nghiệp. Học thuyết này được nhiều nước như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan..., áp dụng, trong đó Trung Quốc là nước vận dụng trong bối cảnh gần gũi với Việt Nam hơn cả.

2. Sự phát triển nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc

2.1. Sự vận dụng học thuyết kinh tế đối ngẫu

Trung Quốc tiến hành phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng tập thể hóa dưới hình thức “công xã” từ những năm 50 của thế kỷ trước. Tuy nhiên, chủ trương tập thể hóa đó đã không tạo được động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nông nghiệp và nông thôn. Đến năm 1978, Trung Quốc tiến hành khoán sản phẩm hộ trong nông nghiệp. Cũng như ở Việt Nam, chế độ khoán này đã tạo ra sự tăng trưởng đáng kể trong nông nghiệp. Trong vòng 6 năm (1979-1984) thu nhập nông dân tăng 15%/năm. Điều này làm cho Trung Quốc tăng được năng suất nông nghiệp

Đỗ Kim Chung, GS.TS, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

và ổn định các vấn đề xã hội. Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc ra Nghị quyết Trung ương 3, Khóa 12 nhằm tạo ra bước đột phá trong nông nghiệp thông qua các chủ trương lớn sau: 1) Chuyển một phần đất nông nghiệp để phát triển các khu công nghiệp, xây dựng các xí nghiệp hương trấn để thu hút lao động nông thôn vào các khu công nghiệp và dịch vụ tại các vùng nông thôn; 2) Thực hiện mạnh mẽ hơn chế độ khoán sản phẩm, thâm canh tăng năng suất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, theo nguyên tắc “ly nông, bất ly hương”; 3) Kiểm soát chặt chẽ hơn dòng người nông thôn di cư vào thành thị bằng các biện pháp hành chính thông qua chính sách quản lý hộ khẩu và các giải pháp kinh tế khác.

2.2. Những thách thức trong quá trình phát triển nông nghiệp và nông thôn

Hơn 20 năm thực hiện chủ trương này, nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc phát triển không thật bền vững: hàng năm Trung Quốc có 267.000 đến 334.000 ha đất nông nghiệp bị chuyển đổi trở thành các khu công nghiệp và đô thị. Để tạo ra một việc làm ở khu công nghiệp và đô thị, Trung Quốc phải đổi mất 960m² đất nông nghiệp; trong khi đó dân số mỗi năm tăng thêm 10 triệu người. Sức ép dân số về nhu cầu lương thực thực phẩm ngày một lớn. Lao động ở nông thôn Trung Quốc có khoảng 340 triệu. Trong khi đó, cơ hội việc làm ở các vùng nông thôn chỉ đủ cho 150 triệu người. 190 triệu lao động nông thôn dư thừa cùng với 2 triệu lao động tăng thêm mỗi năm đã tạo ra dòng người di chuyển mạnh mẽ vào thành thị. Có hàng chục triệu lao động đã di cư từ nông thôn vào thành thị. Những người này đã bị coi là công dân loại 2. Chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ hộ khẩu. Ở nơi đến, lao động nông thôn là những người không có hộ khẩu, nên khó tiếp cận đến các dịch vụ nhà ở, giáo dục, y tế và dịch vụ xã hội khác. Ở các vùng nông thôn, nông dân đóng góp ngày một nhiều. Các khoản đóng góp năm 2000 tăng 45 lần (46,5 tỷ Nhân dân tệ (NDT) so với năm 1990 (8,79 tỷ NDT). Mức

phí nộp bình quân người dân nông thôn cho địa phương là 146 NDT, cao gấp 4 lần so với cư dân thành thị chỉ (37NDT/người). Thu nhập của cư dân nông thôn (2.936 NDT) bằng 1/4 so với thành phố (9.422NDT)¹. Hệ thống chính quyền địa phương công kênh và kém hiệu quả. Điều này đã dẫn đến sự bất ổn về chính trị (các cuộc biểu tình phản đối) diễn ra ở các vùng nông thôn, chỉ tính trong năm 2005 có 74000 cuộc biểu tình (*Danh Đức, 2005*). Trước tình hình này, Lý Xương Bình, bí thư Đảng ủy xã Kỳ Bàn, Huyện Giám Lợi, tỉnh Hồ Bắc trong bức thư gửi Thủ tướng Chu Dung Cơ, đã tóm tắt khó khăn liên quan đến nông dân, nông nghiệp và nông thôn bằng những nội dung chính như sau: 1) Nông dân bỏ đi làm ngoài một cách mù quáng như nước lũ; 2) Gánh nặng như núi Thái Sơn; 3) Nợ chồng chất như núi; 4) Cán bộ nhiều như châu chấu; 4) Chế độ trách nhiệm trong khoán sản phẩm như xích xiềng gông cùm; 5) Chính sách chỉ là điều nói suông; 6) Lời nói dối thành chân lý” (*Lý Xương Bình, 2000*).

2.3. Điều chỉnh lại chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn

Vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn được Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc coi là một trong 5 thách thức lớn của nền kinh tế Trung Quốc hiện nay. Các chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn thời gian qua, vô hình chung hướng theo tư tưởng “*lấy nông thôn để phát triển thành thị*” và làm cho “*thành thị và nông thôn bị chia cắt*”. Điều đó làm cho nền kinh tế phát triển không cân bằng, coi trọng phát triển kinh tế, coi nhẹ nông nghiệp và nông thôn và phát triển xã hội đã hình thành tình trạng “một chân dài và một chân ngắn”². Trong chủ trương phát triển nông nghiệp, nông thôn, chưa nhận thức đầy đủ tính tất yếu của việc dịch chuyển lao động nông thôn vào thành thị, còn kiểm soát

1. Social Science Academic Press, China, 2005.

2. Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17.

sự di chuyển của lao động nông thôn quá chật chội thông qua chính sách hộ khẩu. Trên thực tế, nông dân vào thành thị tìm việc có tác dụng tích cực vừa tăng thu nhập cho bản thân, gửi tiền về quê để phát triển kinh tế gia đình (con em đi học, tạo nghề, mở quán bán hàng, xây nhà, mở các hoạt động dịch vụ và thương mại)³. Trong tầng lớp dân số có thu nhập trung bình, người lao động di cư chiếm đa số. So với người lao động ở tại quê, nông dân di cư có thu nhập cao hơn, có thời gian lao động nhiều hơn. Doanh nghiệp tư nhân thu hút 81,5 triệu lao động, cung cấp 75% chỗ việc làm cho chủ yếu lao động nông thôn di cư, 57% tổng lợi nhuận, 60% sản lượng hàng hóa xuất khẩu⁴.

Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc ra Nghị Quyết Trung ương 9 năm 2004 và được tổng kết thành chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn trong Nghị Quyết Đại hội lần thứ 17 của Đảng Cộng sản Trung Quốc (10-2007) bằng những chủ trương và giải pháp lớn sau: 1) Công nghiệp phải nuôi nông nghiệp; 2) Lấy thành thị dẫn dắt nông thôn; 3) Thành thị và nông thôn phát triển hài hòa; 4) Miễn giảm thuế và các khoản đóng góp cho dân; 5) Tăng trợ cấp trực tiếp cho nông nghiệp; 6) Thừa nhận vai trò của di dân trong phát triển kinh tế không chỉ của đô thị mà còn cả của nông thôn; 7) Giáo dục đào tạo cho người lao động di dân không chỉ là giải quyết bài toán việc làm mà còn giúp công nghiệp hóa nông thôn.

3. Những thách thức trong phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam

Liên hệ với Việt Nam, chúng ta thấy có những thách thức tương đồng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nông nghiệp, nông thôn. *Thứ nhất*, hiện nay nông thôn nước ta có khoảng 33,3 triệu lao động, chiếm 76% số lao động cả nước. Hàng năm, cả nước có thêm ít nhất 1,3 triệu người đến tuổi lao động được bổ sung vào lực lượng lao động, trong đó 0,78 triệu lao động tăng thêm ở khu vực nông thôn. Sức ép về việc làm cho lao động nông thôn

ngày một lớn bởi dân số tiếp tục tăng nhưng quỹ đất nông nghiệp ngày một giảm. Hiện nay, mỗi năm có khoảng 200.000 héc-ta đất nông nghiệp được chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác (khu công nghiệp, dịch vụ và đô thị). Điều đáng chú ý là diện tích đất được chuyển đổi này tập trung nhiều ở các tỉnh đồng bằng, những vùng đất nông nghiệp màu mỡ và đông dân cư. *Ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, nếu chuyển 1 ha đất nông nghiệp thành khu công nghiệp thì sẽ làm mất một tài sản sinh kế và ảnh hưởng đến ít nhất 12-25 người dân sống ở nông thôn.* Việc lấy đất của nông dân để phát triển các khu công nghiệp và dịch vụ đã tạo ra khó khăn mới cho nông dân bị mất đất trong chuyển nghề và tìm kiếm việc làm mới. Hiện có 27% lao động trong diện thu hồi đất đã tốt nghiệp phổ thông, 14% được đào tạo nghề (Phan Dương, 2005). Đặc biệt khó khăn cho các lao động quá tuổi tuyển dụng (từ 35 tuổi trở lên) khó thích nghi với công việc mới. *Thứ hai*, hiện tượng quy hoạch treo là khá phổ biến. Tỷ lệ diện tích đất được sử dụng hữu hiệu ở các khu công nghiệp chỉ đạt 40%, gần 60% là các khu đất nông nghiệp bỏ trống do “quy hoạch treo”. *Thứ ba*, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ tiếp tục giảm bớt lao động trong nông nghiệp. Ở Đồng bằng sông Hồng, diện tích đất nông nghiệp bình quân một hộ (2,5 lao động/hộ) khoảng 2000-3000 m² (khoảng 400-700 m²/người). Với diện tích đó, chỉ cần 1 lao động làm trong 3-4 tháng, tập trung vào thời kỳ gieo cấy và thu hoạch. Ước tính số lao động nông thôn bị dôi ra ít nhất là 35-40% (9-10 triệu lao động) do tác động của quá trình công nghiệp hóa hiện nay (Phan Minh Ngọc, 2006). *Thứ tư*, giá đầu vào những năm qua tăng 30-60%, trong khi đó giá đầu ra chỉ tăng có 20-35%, dịch bệnh xảy ra thường xuyên. Điều đó đã làm cho thu nhập của nông dân từ làm nông nghiệp quá thấp. Tính trừ chi phí, thu nhập một ngày lao động của nông dân Thái Bình, Hưng Yên,

3, 4. The Christian Science Monitor, 2005.

Nam Định, Phú Thọ, Thanh Hóa chỉ chưa đầy 2000-3000đ/ngày công (*Hồ Khánh Thiện, 2006*). Do đó, có tới 84,4% số hộ nông thôn có người đi làm thuê ở nơi khác⁵. Tình trạng này dẫn đến nền nông nghiệp đang bị “phụ nữ hóa” và nông thôn đang bị “lão hóa”. Vì số lao động nam giới trẻ khỏe rời quê đi kiếm sống ở thành thị và các vùng nông thôn khác, để lại các vùng quê phụ nữ và người già phải làm các hoạt động nông nghiệp và nông thôn. Theo nghiên cứu của chúng tôi, khoảng 66% số lao động di cư đến thành phố và 34% đi đến các vùng nông thôn khác (chủ yếu là miền núi, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long) để tìm việc làm. *Thứ năm*, mức đóng góp của cư dân nông thôn cho địa phương vẫn còn cao. *Hiện nay nông dân đóng 93 loại phí theo quy định của Nhà nước, và 38 khoản đóng góp xã hội khác. Mức đóng góp chiếm từ 2,2 đến 5,5% thu nhập của dân*⁶. Theo báo cáo của 46 tỉnh, bình quân mỗi hộ dân phải đóng cho xã và các đoàn thể xã hội 28 khoản/năm với mức đóng góp từ 250 nghìn đồng đến 1,0 triệu đồng. *Thứ sáu*, cũng như ở Trung Quốc, ở Việt Nam việc di chuyển sức lao động giữa nông thôn và thành thị vẫn đang bị kiểm soát khá chặt chẽ. Hiện nay, trong cơ chế chính sách vẫn có 388 văn bản liên quan đến hộ khẩu (*Tuổi trẻ, 2006*). Điều này, đã hạn chế sự tiếp cận của người di cư đến dịch vụ nhà ở, giáo dục, y tế và các vấn đề xã hội khác. *Thứ bảy*, quá trình tích tụ và tập ruộng đất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn diễn ra chậm chạp. 71% số hộ nông thôn vẫn sống bằng nghề nông, lâm thủy sản. Số hộ làm công nghiệp và xây dựng chỉ 10%, số hộ làm dịch vụ chiếm 14,8%. Nhiều người cho là thực hiện được các quyền trao đổi và chuyển nhượng là sẽ có ngay sự tích tụ và tập trung ruộng đất và có thể làm tiền đề cho nông nghiệp hàng hóa. Điều đó không hoàn toàn như vậy vì thị trường đất nông nghiệp là tập hợp các quá trình kinh tế phức tạp vừa có yếu tố tích tụ vừa có các yếu tố phân lại sự tích tụ đất đai. Các yếu tố phân lại sự tích tụ và tập trung ruộng đất bao gồm: sự phân chia đất của cha

mẹ cho con cái theo truyền thống kế thừa tài sản, rủi ro trong nông nghiệp thường cao, nông nghiệp thường không hấp dẫn cho đầu tư bằng công nghiệp và dịch vụ. Trên thực tế ở các vùng nông thôn nước ta, số hộ tách chia ruộng đất của mình cho con cái nhiều hơn hàng chục, hàng trăm lần so với số hộ tích tụ ruộng đất (*Đỗ Kim Chung, 2000*). Một số địa phương có nỗ lực dồn điền đổi thửa để tập trung ruộng đất dựa theo sự phân hạng nông hóa ruộng đất, nhưng kết quả đạt được lại không bền vững. *Thứ tám*, mức đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn của ta còn thấp (chưa đầy 7% giá trị GDP của nông nghiệp) trong khi đó, ở các nước trong vùng mức đầu tư cho nông nghiệp tới 12-15%.

4. Một số định hướng chính sách cho phát triển nông nghiệp và nông thôn nước ta

Trước tình trạng trên, để phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn và giải quyết vấn đề “tam nông”, cần thiết triển khai một số giải pháp sau:

- *Phát triển thận trọng và bền vững các khu công nghiệp ở các vùng nông thôn.* Vì vậy, cần thận trọng hơn khi quyết định chuyển đất nông nghiệp sang các khu công nghiệp. Không nên chuyển một cách thiếu căn cứ đất nông nghiệp mầu mỡ, nhất là ở các vùng đông dân cư thành khu công nghiệp và đô thị. Không nên chạy theo tăng trưởng kinh tế bằng việc ồ ạt phát triển các khu công nghiệp mà bỏ quên các vấn đề xã hội và môi trường, không nên quá tập trung vào phát triển công nghiệp mà bỏ quên vấn đề an ninh lương - thực thực phẩm. Không nên phát triển các khu công nghiệp theo kiểu “phong trào” hiện nay, để rồi đất thu hồi không được sử dụng đúng mục đích, thậm chí bỏ hoang, làm lãng phí tài nguyên đất nông

5. Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam và CARE, 2006, Kết quả khảo sát thu nhập và đời sống của nông dân.

6. Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn, Bộ NN&PTNT, 2007, Báo cáo về phí và lệ phí ở nông thôn.

ng nghiệp màu mỡ và tạo ra sự thất nghiệp trong nông thôn. Trong việc chuyển đổi đất thành khu công nghiệp, cần phải gắn giữa đào tạo nghề, gắn giữa lợi ích của nông dân với doanh nghiệp. *Nên tính giá trị của đất nông nghiệp được chuyển đổi sát giá thị trường, tạo điều kiện cho nông dân góp đất của mình vào giá trị của doanh nghiệp.*

- *Cần tiến hành đào tạo nghề một cách thiết thực và hiệu quả hơn qua các kênh giáo dục phổ thông, giáo dục hướng nghiệp, khuyến nông, khuyến công và hỗ trợ các lao động có đất thu hồi trong việc tạo lập nghề mới.* Việc hỗ trợ không chỉ thuần túy là sự đền bù tiền giải phóng mặt bằng mà quan trọng hơn, giúp họ có kỹ năng và kiến thức thích ứng được trong môi trường mới để có được việc làm mới.

- *Cần thừa nhận sự di chuyển lao động nông thôn đi tìm việc làm ở nơi khác.* Đây là lẽ tất yếu của kinh tế thị trường. Chỉ có công nhận sự dịch chuyển lao động mới có điều kiện phát triển thị trường vốn, công nghệ và các đầu vào khác. Phải tháo bỏ các rào cản trong dịch chuyển lao động, chính sách quản lý hộ khẩu cần được cải tiến theo hướng thông thoáng hơn và tiện lợi hơn tạo điều kiện cho các lao động đi tìm việc làm, tiếp cận được các dịch vụ nhà ở, giáo dục, y tế và các vấn đề xã hội khác.

- *Giảm các loại thuế và phí không cần thiết để bớt gánh nặng cho nông dân.* Tuy nhiên, việc giảm và miễn cần phải có tính chọn lọc, đảm bảo đạt được mục tiêu xã hội, mục tiêu kinh tế và tăng được an sinh xã hội, kiên quyết không quay lại thời kỳ bao cấp toàn bộ. Các loại phí liên quan đến tài nguyên như thủy lợi phí cần được cân nhắc cẩn trọng khi thực hiện miễn hay giảm. Nên chăng chỉ miễn toàn bộ các phí tiêu úng và chống hạn trong điều kiện nghiêm trọng.

- *Tăng cường hỗ trợ kiến thức và kỹ thuật cho nông dân.* Giải pháp này được thực hiện thông qua khuyến nông, khuyến lâm giúp cho nông dân vận dụng được công nghệ để hạ giá thành sản xuất và tăng được thu nhập.

- *Tôn trọng quy luật thị trường để tiến hành dồn điền đổi thửa.* Lấy giá thị trường là cơ sở để tính đổi hơn là thuần túy dựa vào chỉ tiêu nông hóa thổ nhưỡng. Thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất một cách nhanh chóng, nhất là cho nông dân, các trang trại, các doanh nghiệp ở nông thôn.

- *Tăng cường đầu tư công cho nông nghiệp và nông thôn.* Cần đầu tư vào những lĩnh vực không hấp dẫn đầu tư tư nhân ở nông thôn như phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo hướng nghiệp, khuyến nông, khuyến công và khuyến thương, tăng cường năng lực quản lý rủi ro (kiểm soát các loại dịch bệnh nguy hiểm, lây lan trong nông nghiệp và xã hội, hạn chế thiên tai, dự báo thời tiết), tăng cường thông tin thị trường đầu vào, đầu ra (thị trường đất đai, lao động, khoa học công nghệ, vốn, sản phẩm...). Nên cắt giảm các hạng mục đầu tư trực tiếp như làm nhà máy đường, chế biến hoa quả. Những lĩnh vực này tốt hơn là để cho kinh tế tư nhân đầu tư./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. W. Arthur Lewis, 1954, Economic development with unlimited Supplies of Labor, Manchester School, May 1954, pp-131-191.
2. Social Science Academic Press, China, 2005, Status of Rural China, Beijing 2005.
3. Danh Đức, 2005, Nông dân đòi công bằng, Tuổi trẻ chủ nhật Số 50-2005, 18-12-2005.
4. Lý Xương Bình, 2000, Tôi nói thật với thủ tướng, Tuổi trẻ 5-2-2007.
5. Phan Dương, 2005, Mất đất, việc khó tìm: Giải pháp cho nông dân sau thu hồi đất? Tuổi trẻ 4-5-2005.
6. Phan Minh Ngọc, 2006, WTO và Lao động nông thôn, Tuổi trẻ cuối tuần số 35-2006, 3-9-2006.
7. Hồ Khánh Thiện, 2006, Nông dân đối mặt với thất nghiệp, Kinh tế Việt Nam, 8-2-2006.
8. Tuổi trẻ, 2006, 388 văn bản liên quan đến hộ khẩu, 9-5-2006, tr 1.
9. Đỗ Kim Chung, 2000, Thị trường đất đai trong nông nghiệp, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 260-2000, tr 21-31.